TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – ĐỒNG THÁP** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2025/DS-ST
Ngày: 30-12-2025
"V/v Tranh chấp về dân sự - vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Viết Thanh

Ông Trần Văn Hải

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Bùi Phan Minh Trí - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Đồng Tháp.

Ngày 30 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 6 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 281/2025/TLST-DS, ngày 10 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp về dân sự - vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 239/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 167/2025/QĐST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Thụy Hồng N, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Số B, đường Đ, Tổ A, Khóm H, phường C (trước đây là Khóm B, Phường D, thành phố C), tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thụy Hồng N là ông Phan Văn B, sinh năm 1977; Địa chỉ: Tổ A, khóm T, phường C, tỉnh Đồng Tháp; Là đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền ngày 23/7/2025).

- *Bị đơn:* Nguyễn Thanh T, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Tổ A, khóm T, phường C (trước đây là phường H, thành phố C), tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn Nguyễn Thụy Hồng N có mặt; bị đơn Nguyễn Thanh T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thụy Hồng N trình bày trong đơn khởi kiện và tại phiên toà người đại diện hợp pháp của bà N là ông Phan Văn B trình bày:

Vào ngày 02/02/2025, bà N cho ông Nguyễn Thanh T vay số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 04 tháng từ ngày 02/02/2025, không thỏa thuận lãi suất, việc cho vay có làm biên nhận. Khi đến thời hạn trả tiền theo như thỏa thuận nhưng ông T không trả tiền; bà N có đến gặp nhiều lần để yêu cầu trả số tiền 150.000.000 đồng, ông T hứa hẹn nhưng không thực hiện mà còn thách thức.

Bà N khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thanh T trả cho bà N tổng số tiền là 158.630.000 đồng, trong đó nợ gốc là 150.000.000 đồng, nợ lãi tạm tính từ ngày 02/02/2025 đến ngày 02/9/2025 với lãi suất 10%/năm là 8.630.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi với lãi suất 10%/năm cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bà N là ông Phan Văn B yêu cầu ông Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng theo Biên nhận ngày 02/02/2025 và yêu cầu tính lãi từ ngày 02/6/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 30/12/2025 là 06 tháng 27 ngày, với mức lãi suất là 10%/năm tương đương 0,83%/tháng, số tiền lãi cụ thể là 0,83%/tháng x 06 tháng 27 ngày x 150.000.000 đồng = 8.506.000 đồng. Như vậy, yêu cầu ông Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thụy Hồng N số tiền tổng cộng là 158.506.000 đồng (gồm 150.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi là 8.506.000 đồng) và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo quy định pháp luật cho đến ông T trả xong nợ.

Tại phiên tòa, bà N không yêu cầu ai khác, không tranh chấp quan hệ pháp luật nào khác.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có văn bản trình bày ý kiến, không có yêu cầu và không nộp tài liệu chứng cứ.

** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:*

Tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp: Xác nhận thông tin nơi cứ trú của Công an phường C (bản chính); Hợp đồng uỷ quyền ngày 23/7/2025 giữa Nguyễn Thụy Hồng N và Phan Văn B (bản chính); Biên nhận ngày 2/2/2025 (bản chính).

Tài liệu, chứng cứ do bị đơn Nguyễn Thanh T cung cấp: Không

Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Không.

* Các tình tiết, sự kiện trong vụ án các bên đương sự thống nhất: Không

* Các tình tiết vụ án các bên đương sự không thống nhất: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về việc vắng mặt đương sự tại phiên toà, bị đơn Nguyễn Thanh T đã được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng và giấy triệu tập nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật, căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền vay nên tranh chấp giữa các đương sự là "Tranh chấp về dân sự - vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015, Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về thẩm quyền, tranh chấp về dân sự vay tài sản giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn có địa chỉ tại phường C, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Đồng Tháp, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và Điều 6 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân nhân tối cao.

[2] Về nội dung, nguyên đơn bà Nguyễn Thụy Hồng N yêu cầu ông Nguyễn Thanh T trả số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng theo Biên nhận ngày 02/02/2025 và yêu cầu tính lãi từ ngày 02/6/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 30/12/2025 là 06 tháng 27 ngày, với mức lãi suất là 10%/năm tương đương 0,83%/tháng, số tiền lãi cụ thể là 0,83%/tháng x 06 tháng 27 ngày x 150.000.000 đồng = 8.506.000 đồng. Như vậy, yêu cầu ông Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thụy Hồng N số tiền tổng cộng là 158.506.000

đồng (gồm 150.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi là 8.506.000 đồng) và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo quy định pháp luật cho đến ông T trả xong nợ.

Qua các tài liệu, chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án, có căn cứ xác định bị đơn Nguyễn Thanh T có vay của nguyên đơn Nguyễn Thụy Hồng N số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng, theo Biên nhận ngày 02/02/2025 và hiện nay ông T chưa thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc cho bà N.

Về lãi suất, trong biên nhận vay tiền giữa hai bên không có thoả thuận lãi suất và nguyên đơn cũng thống nhất việc cho vay không có thoả thuận lãi suất. Thời hạn vay thể hiện trong biên nhận là 04 tháng kể từ ngày 02/02/2025. Như vậy, giữa bà N và ông T khi thực hiện giao dịch vay tiền không có thoả thuận lãi suất nhưng có thoả thuận thời hạn cho vay. Theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự và khoản 1 Điều 5, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao thì yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thụy Hồng N đối với nghĩa vụ trả lãi của bị đơn Nguyễn Thanh T về thời gian tính lãi, mức lãi suất là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

Như vậy, tổng cộng số tiền ông Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thụy Hồng N là 158.506.000 đồng (gồm 150.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi là 8.506.000 đồng).

[4] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn Nguyễn Thanh T phải chịu 7.925.000 đồng (Bảy triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn Nguyễn Thụy Hồng N được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.966.000 đồng (Ba triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai số 0006547 ngày 07/10/2024 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, Điều 429, Điều 463 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Nghị

quyết 01/2025/NQ-HĐTTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân nhân tối cao.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thụy Hồng N. Buộc ông Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thụy Hồng N số tiền tổng cộng là 158.506.000 đồng (Một trăm năm mươi tám triệu năm trăm lẻ sáu nghìn đồng) (trong đó gồm 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) nợ gốc và tiền lãi là 8.506.000 đồng (T1 triệu năm trăm lẻ sáu nghìn đồng)) theo Biên nhận ngày 02/02/2025.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh T phải chịu 7.925.000 đồng (Bảy triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thụy Hồng N được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.966.000 đồng (Ba triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai số 0006547 ngày 07/10/2024 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có mặt, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

- VKSND KV6-ĐT;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu.

Đặng Thị Thanh Thảo